

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/9/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG GIANG, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Hình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Bình.

Bà Đinh Ngọc Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Nam, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Giang tham gia phiên tòa: Ông A Ting Tộc, Kiểm sát viên.

Hội 08 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2024/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/HPT-QĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: B, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ dân phố TV, thị trấn P, huyện ĐG, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Bị đơn: N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ dân phố TV, thị trấn P, huyện ĐG, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 5 năm 2024, các lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn B trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: B và N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 3 năm 2014 tại UBND thị trấn P, huyện ĐG, tỉnh Quảng Nam.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do từ năm 2015, anh N không lo làm ăn, uống rượu nhiều, chửi bới, nhục mạ chị B và người thân trong gia đình. Sự việc tái diễn như vậy nhiều lần và ngày càng nghiêm trọng hơn. Nhiều lần anh N dùng dao, rựa dọa chém, giết chị B. Hai con chị chứng kiến nên rất sợ hãi và hoang mang khóc lóc. Anh N hay bỏ nhà đi từ 1 đến 2 tuần mới về. Khi về nhà lúc nào cũng say xỉn, chửi bới lung tung, đập phá đồ đạc trong nhà, dọa chém giết vợ con.

Mặt khác, anh N nghi ngờ chị B có quan hệ bất chính với đồng nghiệp trong cơ quan nên thường xuyên chửi tục, xúc phạm chị và đồng nghiệp. Sau nhiều năm anh N bạo hành đã ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần chị và các con. Từ ngày 21/10/2023 anh N đi lang thang không về nhà. Trong thời gian này anh N ăn ở không ổn định, lúc thì ở nhà người này, khi thì ở nhà người khác, không quan tâm đến vợ con và gia đình. Chị B lo sợ anh N làm hại chị và các con. Năm 2023 chị đã làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện Đông Giang giải quyết, nhưng vì hy vọng anh N thay đổi tính cách nên đã rút đơn khởi kiện.

Nay chị B xét thấy mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm cũng hết nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với N.

2. Về con chung: Có 02 con chung là T, sinh ngày 11/11/2015 và M, sinh ngày 08/4/2018. Ly hôn, chị B có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu M. Chị B không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị B không yêu cầu giải quyết.

* *Đối với bị đơn N*: N có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố TV, thị trấn P, huyện ĐG, tỉnh Quảng Nam. Theo kết quả xác minh tại Công an thị trấn P thì anh N vẫn còn cư trú và sinh sống tại địa phương. Sau khi Tòa án nhân dân huyện Đông Giang thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh N không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không có lý do. Do đó, việc lấy lời khai của N và việc hòa giải không thực hiện được.

Qua xác minh tại UBND thị trấn P, Hội Liên hiệp Phụ nữ thị trấn P cho thấy giữa B và N mâu thuẫn kéo dài. Chị B và anh N không còn sống chung, tình cảm vợ chồng, kinh tế gia đình mỗi người tự lo.

* *Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn B đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 186, 188, 189 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn N trong quá trình giải quyết vụ án không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh N vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho B được ly hôn với N.

- Về quan hệ con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu T, sinh ngày 11/11/2015 và M, sinh ngày 08/4/2018 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật. Chị B không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: B có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với N, được nuôi 02 con chung. Anh N có nơi cư trú tại huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

B và N kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P vào ngày 24/3/2014, nên quan hệ hôn nhân giữa B và N là hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị B và qua xác minh tại địa phương thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do từ năm 2015 anh N không lo làm ăn, uống rượu nhiều, đánh đập, chửi bới, nhục mạ chị B và người thân trong gia đình. Nhiều lần anh N lấy dao, rựa dọa chém, giết chị B và các con.

Mặt khác, anh N còn nghi ngờ chị B có quan hệ bất chính với đồng nghiệp trong cơ quan nên thường xuyên chửi tục, xúc phạm chị và đồng nghiệp. Sau nhiều năm anh N bạo hành đã ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần chị và các con. Từ ngày 21/10/2023 anh N đi lang thang không về nhà. Trong thời gian này anh N ăn ở không ổn định, lúc ở nhà người thân, khi thì ở nhà bạn bè, không quan tâm đến vợ con và gia đình. Năm 2023 chị đã làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện Đông Giang giải quyết, nhưng vì hy vọng anh N thay đổi nên đã rút lại đơn.

Chị B và anh N bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, kéo dài, vợ chồng không còn chung sống từ nhiều năm nay. Tòa án đã tạo điều kiện về mặt thời gian, tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng anh N không có thiện chí trong việc tham gia hòa giải, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của B, cho chị B được ly hôn N.

[2.2] Về con chung: Chị B và anh N có 02 con chung là T, sinh ngày 11/11/2015 và M, sinh ngày 08/4/2018. Ly hôn, chị B có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra anh N bỏ mặc không quan tâm gì đến con cái, trong thời gian trước đây và hiện nay các cháu T, M do một mình chị B trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo tốt về mọi mặt. Chị B có nơi ở ổn định, công tác tại Trạm Y tế thị trấn P có thu nhập hằng tháng ổn định, có điều kiện chăm sóc con chung. Cháu T có nguyện vọng được ở với chị B. Anh N nơi ở không ổn định, không có việc làm, thường xuyên uống rượu say xỉn, cuộc sống lang thang sống nhờ nhà người khác, không chăm lo con cái. Do đó nếu giao con cho anh N nuôi sẽ không đảm bảo quyền lợi và phát triển bình thường các con. Căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị B, giao cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật. Chị B không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, khi có đơn yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho B được ly hôn với N.

2. Về con chung: Có 02 con chung. Giao con chung T, sinh ngày 11/11/2015 và M, sinh ngày 08/4/2018 cho B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên. Chị B không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng các Bn có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị B không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0003771 ngày 23/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Giang. Chị B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (12/9/2024). Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Đông Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện Đông Giang;
- UBND thị trấn P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mạc Văn Hình